TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀ TRUNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21/12/2017
V/v*: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Thân;

2. Bà Nguyễn Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thêm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai vụ án thụ lý số 117/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Cao Thị T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn VX, xã HV, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn Y, xã HL, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Cao Thị T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là ông Vũ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã HV, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa vào tháng 12/1992, thời gian vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không có con chung nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cải cọ, mắng chửi

nhau. Do không chịu đựng được nên từ năm 1995 bà T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay xét thấy vợ chồng không chung sống được với nhau nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn ông Vũ Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng ông Đ không có mặt, nên không có lời khai của ông Đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định, về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiêm cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng quy định. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm, Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T được ly hôn ông Đ, về con cái và tài sản, hai bên không có con chung, không có tài sản chung nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS. Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà Cao Thị T và ông Vũ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HV, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có con chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ năm 1995 bà T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó vợ chồng ly thân nhau, ông Đ đã sống chung với người khác từ năm 1998 và có 02 con riêng việc này đã được cấp chính quyền xã HL, huyện HT xác nhận. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho bà T được ly hôn ông Đ là phù hợp.

[3]. Về con chung: Hai bên không có con chung nên miễm xét.

[4]. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Trong vụ án này, HĐXX không biết được nội dung yêu cầu của ông Đ đối với phần tài sản, giữa ông Đ và bà T nếu có sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Bà T là nguyên đơn trong vụ án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, ông Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho bà Cao Thị T được ly hôn ông Vũ Văn Đ.

2. Về án phí: Bà Cao Thị T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004745 ngày 10/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, bà T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà T, ông Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- THADS huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt